

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/HS-ST
Ngày: 16-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Quốc Tiến

2. Bà Nguyễn Thị Phụng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Kim Xoa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thanh Sang và bà Huỳnh Thị Cẩm T - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2024/HSST-QĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Hữu Minh T1, sinh năm 1981 tại An Giang; Tên gọi khác: Không có; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không có; Trình độ học vấn: 07/12; Con ông Phạm Hữu H (đã chết) và bà Trần Kim Đ (đã chết); Vợ: Không có; Con: 02 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2004; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không có; Tạm giữ ngày 03/12/2023; Tạm giam ngày 12/12/2023; tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị hại:

Phạm Trường G, sinh năm 1997; Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt).

Người làm chứng:

Đặng Vũ L, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Phạm Hữu M Triết bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 07 giờ ngày 03/12/2023, bị cáo Phạm Hữu Minh T1, sinh năm 1981 ngụ khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang đi đến nhà kho tol P thuộc ấp M, xã M, huyện C, Đồng Tháp thì thấy cửa nhà kho tol Phú G1 không khoá nên bị cáo T1 đột nhập vào bên trong lấy trộm xe mô tô biển số 66F1-794.81 nhãn hiệu Honda, màu đỏ đen, số khung 3835KY007726, số máy JA52E0050145 của anh Phạm Trường G, sinh năm 1997 ngụ ấp B, xã M, huyện C, Đồng Tháp. Bị cáo dẫn xe mô tô biển số 66F1-794.81 nhãn hiệu Honda màu đỏ đen thì bị ông Đặng Vũ L phát hiện và bắt quả tang nên trình báo đến Công an xã M lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C giải quyết theo thẩm quyền.

Tại biên bản và kết luận định giá tài sản số 50/BB-HĐĐGTTTHS ngày 12/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện C, kết luận: 01 (một) xe mô tô biển số 66F1-794.81, nhãn hiệu Honda, màu đỏ đen, số khung 3835KY007726, số máy JA52E0050145, xe đã qua sử dụng trị giá là 12.100.000 đồng.

Vào ngày 20/12/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả 01 xe mô tô biển số 66F1-794.81, nhãn hiệu Honda, màu đỏ đen, số khung 3835KY007726, số máy JA52E0050145, cho anh Phạm Trường G, anh G không có yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T1.

Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo thừa nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số 10/CT-VKSHCL ngày 19/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh đã truy tố bị cáo Phạm Hữu Minh T1 về tội “Trộm cắp tài sản”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đồng thời đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

- Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 tuyên bố bị cáo Phạm Hữu M Triết phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Hữu Minh T1 với mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

- Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận, chối đáp gì. Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, mọi hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Phạm Hữu Minh T1 thừa nhận hành vi phạm tội được mô tả trong bản cáo trạng **số 10/CT-VKSHCL** ngày 19/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh là đúng với hành vi của bị cáo.

Vào khoảng 07 giờ 00 phút ngày 03/12/2023 tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu nên đã lén lút lấy trộm 01 xe mô tô biển kiểm soát 66F1-794.81, nhãn hiệu HONDA, số loại Honda của anh Phạm Trường G. Giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại là 12.100.000 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử kết luận, hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Hữu Minh T1 đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...”

[3] Xét hành vi của bị cáo Phạm Hữu Minh T1, khi thực hiện tội phạm, bị cáo là người đã thành niên, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình và có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định. Tại phiên tòa, bị cáo còn khai rằng biết hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì lòng tham mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trên, chứng tỏ hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và tội phạm đã hoàn thành. Về nhận thức bị cáo biết hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện..

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây xôn xao dư luận, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương nơi xảy ra vụ án. Do vậy, đối với bị cáo cần phải áp dụng mức hình phạt thật nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt, có ý thức chấp hành pháp luật, đồng thời có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi lượng hình cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, anh Phạm Trường G đã nhận lại tài sản bị mất và không còn yêu cầu bồi thường gì thêm bất cứ khoản nào phù hợp theo quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong nên không xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Phạm Hữu Minh T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh về tội danh, điều luật truy tố và các vấn đề khác là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo **Phạm Hữu M Triết** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Xử phạt: Bị cáo Phạm Hữu M Triết 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/12/2023.
3. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong, không đặt ra xem xét.
4. Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong, không đặt ra xem xét.
5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Buộc bị cáo Phạm Hữu M Triết phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Cao Lãnh;
- Cơ quan CSĐT Công an HCL;
- CQ THAHS & HTTP CAHCL;
- THADS huyện Cao Lãnh;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VPTA & hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Thị Kim Hoa